

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ đối với các nội dung chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 tỉnh Lai Châu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU KHOÁ, KỲ HỌP LẦN THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu quốc hội khóa XV và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2021; Báo cáo thẩm tra số .../ ngày .../ /2021 của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ đối với các nội dung chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 tỉnh Lai Châu, như sau:

1. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, đơn vị có liên quan đến công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 tỉnh Lai Châu.

2. Mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ đối với các nội dung chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 tỉnh Lai Châu, gồm:

2.1. Chi tổ chức các hội nghị.

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.

2.2. Chi tổ chức tập huấn.

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.

2.3. Chi bồi dưỡng các cuộc họp

a) Chi bồi dưỡng các cuộc họp của Ban chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội nghị hiệp thương.

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (ĐVT: VNĐ)		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Người chủ trì	Người/buổi	200.000	100.000	50.000
Thành viên tham dự	Người/buổi	100.000	80.000	30.000
Phục vụ	Người/buổi	50.000	30.000	20.000

b) Chi bồi dưỡng các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử.

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (ĐVT: VNĐ)		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Người chủ trì	Người/buổi	150.000	100.000	50.000
Thành viên tham dự	Người/buổi	80.000	50.000	30.000
Phục vụ	Người/buổi	50.000	30.000	20.000

2.4. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tiểu ban bầu cử.

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đoàn công tác được chi như sau:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (ĐVT: VNĐ)		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
- Trưởng đoàn	Người/buổi	200.000	100.000	80.000
- Thành viên chính thức	Người/buổi	100.000	80.000	50.000
- Phục vụ				
+ Phục vụ trực tiếp	Người/buổi	80.000	40.000	30.000
+ Phục vụ gián tiếp (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	Người/buổi	50.000	30.000	20.000
- Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát.				
+ Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ban chỉ đạo và Ủy ban bầu cử.	Báo cáo	600.000	400.000	200.000
+ Chi tham gia ý kiến bằng văn bản của Ủy ban bầu cử đối với các báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát.	Người/lần	100.000 tối đa không quá 400.000 đồng/ người/ báo cáo	80.000 tối đa không quá 320.000 đồng/ người/ báo cáo	50.000 tối đa không quá 200.000 đồng/ người/ báo cáo
+ Chính lý, hoàn chỉnh báo cáo	Báo cáo	200.000	150.000	100.000

2.5. Chi xây dựng văn bản

a) Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử: Thực hiện theo quy định tại Thông tư 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và

hoàn thiện hệ thống pháp luật; Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Thông tư 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh liên quan đến công tác bầu cử do Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử ban hành.

- Chi xây dựng văn bản liên quan đến công tác bầu cử do Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử ban hành bao gồm: Kế hoạch, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý) mức chi 1.000.000 đồng/văn bản. Riêng báo cáo tổng kết công tác bầu cử báo cáo Quốc hội mức chi tương đương soạn thảo Nghị quyết của Quốc hội (văn bản mới) quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Chi tham gia ý kiến bằng văn bản: 100.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 300.000 đồng/người/văn bản.

2.6. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ công tác bầu cử.

a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (ĐVT: VNĐ)		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
- Trưởng ban, Phó Trưởng ban Chỉ đạo; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban phục vụ bầu cử	Người/tháng	1.000.000	800.000	300.000
- Thành viên Ban chỉ đạo; Thành viên Ủy ban bầu cử; Phó Trưởng các Tiểu ban; Thành viên các tiểu ban	Người/tháng	800.000	600.000	200.000
- Thành viên tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử	Người/tháng	600.000	400.000	100.000

Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử thực hiện theo thực tế; tối đa không quá 4 tháng. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ngày đối với các đối tượng là thành viên các Ban bầu cử, Tổ bầu cử trong đợt bầu cử và các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ giúp việc, Ủy ban bầu cử); thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử thực hiện theo thực tế tối đa không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử; ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử) . Thực hiện chi bồi dưỡng theo mức khoán trong trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày với mức chi là 1.500.000 đồng/người/tháng. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Bồi dưỡng 120.000 đồng/người/ngày trong 02 ngày là ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ công tác bầu cử. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.7. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ công tác bầu cử.

a) Trưởng ban, Phó Trưởng ban chỉ đạo; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban phục vụ bầu cử; Thành viên Ban chỉ đạo, Thành viên Ủy ban bầu cử; Phó trưởng các Tiểu ban; Thành viên các Tiểu ban phục vụ bầu cử: Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/tháng; Cấp huyện: 200.000 đồng/người/tháng; Cấp xã: 100.000 đồng/người/tháng.

b) Trường hợp cần thiết Chủ tịch UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các Huyện, Thành phố quyết định danh sách cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử được hỗ trợ cước điện thoại di động: Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/tháng; Cấp huyện: 100.000 đồng/người/tháng; Cấp xã: 50.000 đồng/người/tháng.

Thời gian hưởng chế độ theo thực tế nhưng tối đa không quá 4 tháng; trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức cao

nhất. Danh sách chi hỗ trợ thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.8. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử.

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (ĐVT: VNĐ)		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
- Người được giao trực tiếp tiếp công dân	Người/buổi	80.000	40.000	30.000
- Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	Người/buổi	60.000	30.000	20.000
- Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	Người/buổi	50.000	20.000	10.000

2.9. Chi đóng hòm phiếu.

Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 350.000 đồng/hòm phiếu

2.10. Chi khắc dấu.

Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 250.000 đồng/dấu.

2.11. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử.

Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung: Mức chi 1.500.000 đồng/bảng.

2.12. Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của tỉnh: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.

2.13. Chi công tác tuyên truyền, in ấn.

Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.

2.14. Các nội dung chi khác.

Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nguồn kinh phí

Kinh phí phục vụ cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 tỉnh Lai Châu do ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu và nguồn cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 2 điều 1 Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, tổ đại biểu HĐND tỉnh và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Lai Châu khoá XIV, kỳ họp lần thứ mười sáu thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước, VPQH, VPCP;
- UB Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT Huyện uỷ, Thành uỷ; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh uỷ; Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT Đảng uỷ; HĐND; UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Công báo tỉnh; Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH